



CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC VÀ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

(Tiếp theo kỳ trước)

MÔN TIẾNG VIỆT

I. Mục tiêu

Môn Tiếng Việt ở cấp Tiểu học nhằm:

1. Hình thành và phát triển ở HS các kỹ năng sử dụng Tiếng Việt (đọc, viết, nghe, nói) để học tập và giao tiếp trong môi trường hoạt động của lứa tuổi.

Thông qua việc dạy học Tiếng Việt, góp phần rèn luyện các thao tác tư duy.

2. Cung cấp cho HS những kiến thức sơ giản về Tiếng Việt; về tự nhiên, xã hội và con người; về văn hoá, văn học của Việt Nam và nước ngoài.

3. Bồi dưỡng tình yêu Tiếng Việt và hình thành thói quen gìn giữ sự trong sáng, giàu đẹp của Tiếng Việt, góp phần hình thành nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa cho HS.

II. Nội dung

1. Kế hoạch dạy học

2. Nội dung dạy học từng cấp

Lớp	Số tiết/tuần	Số tuần	Tổng số tiết/năm
1	10	35	350
2	9	35	315
3	8	35	280
4	8	35	280
5	8	35	280
Cộng (toàn cấp)		175	1505

LỚP 1

10 tiết/tuần x 35 tuần = 350 tiết

1. Kiến thức (không có bài học riêng, chỉ trình bày các kiến thức HS cần làm quen và nhận biết thông qua các bài thực hành).

1.1. Tiếng Việt

1.1.1. Ngữ âm và chữ viết

- Âm và chữ cái, thanh điệu và dấu ghi thanh điệu.

- Một số quy tắc chính tả (c/k, g/gh, ng/ngh)

1.1.2. Từ vựng

Từ ngữ về nhà trường, gia đình, thiên nhiên,

đất nước.

1.1.3. Ngữ pháp

Dấu chấm, dấu chấm hỏi. Nghi thức lời nói: chào hỏi, chia tay.

1.2. Văn học

Một số đoạn văn, bài văn, bài thơ về nhà trường, gia đình, thiên nhiên, đất nước.

2. Kỹ năng

2.1.1. Đọc

- Thao tác đọc (tư thế; cách đặt sách, vở; cách đưa mắt đọc).

- Phát âm các âm, đánh vần các vần thông thường và một vài vần khó.

- Đọc trơn tiếng, từ, cụm từ, câu. Nghỉ hơi ở chỗ có dấu câu.

- Tìm hiểu nghĩa của từ, nội dung của câu và đoạn văn.

- Đọc thuộc một số đoạn hoặc bài văn ngắn.

2.2. Viết

- Thao tác viết (tư thế, cách chấm bút, đặt vở...).

- Viết chữ thường cỡ vừa và nhỏ; tô chữ hoa cỡ lớn và vừa; viết từ, câu, các chữ số đã học (từ 0 đến 9).

- Viết chính tả khổ thơ, đoạn văn ngắn theo hình thức nhìn - viết, nghe - viết.

2.3. Nghe

- Nghe - trả lời câu hỏi và kể lại những mẩu chuyện có nội dung đơn giản.

- Nghe - viết khổ thơ, đoạn văn ngắn.

2.4. Nói

- Nói lời chào hỏi, chia tay trong gia đình, trường học.

- Trả lời câu hỏi; đặt câu hỏi đơn giản (theo mẫu).

- Kể lại những mẩu chuyện được nghe kể trên lớp (kết hợp nhìn tranh minh hoạ và đọc lời gợi ý dưới tranh).

- Nói về mình và người thân bằng một vài câu.

LỚP 2

9 tiết/tuần x 35 tuần = 315 tiết

1. Kiến thức (không có bài học riêng, chỉ trình bày các kiến thức HS cần làm quen và nhận biết thông qua các bài thực hành)

1.1. Tiếng Việt

1.1.1. Ngữ âm và chữ viết

- Bảng chữ cái



- Quy tắc chính tả (viết hoa chữ cái đầu câu, viết hoa tên riêng Việt Nam).

1.1.2. Từ vựng

Từ ngữ (gồm cả thành ngữ, tục ngữ dễ hiểu) về cuộc sống của thiếu nhi trong trường học, gia đình; thế giới tự nhiên và xã hội xung quanh,

1.1.3. Ngữ pháp

- Các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm, tính chất.

- Câu kể, câu hỏi.

- Dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than, dấu phẩy.

1.2. Tập làm văn

- Sơ giản về đoạn văn và nội dung của đoạn văn.

- Một số nghi thức lời nói: chào hỏi, chia tay, cảm ơn, xin lỗi, yêu cầu, đề nghị, tự giới thiệu; đáp lời chào hỏi, chia tay, cảm ơn, xin lỗi, yêu cầu, đề nghị, tự giới thiệu.

1.3. Văn học

Một số đoạn văn, bài văn, bài thơ ngắn về cuộc sống của thiếu nhi trong gia đình, trường học, về thế giới tự nhiên và xã hội .

2. Kỹ năng

2.1. Đọc

- Đọc trơn từ, câu, đoạn văn, bài văn. bài thơ ngắn có nội dung đơn giản; đọc lời hội thoại (chú trọng đọc các từ có vần khó, từ dễ đọc sai do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương).

- Đọc thầm.

- Tìm hiểu nghĩa của từ, câu; nội dung, ý chính của đoạn văn; nội dung của bài văn, bài thơ ngắn và một số văn bản thông thường.

- Đọc một số đoạn hoặc bài thơ ngắn.

- Đọc một số văn bản thông thường: mục lục sách, thời khoá biểu, thông báo đơn giản.

2.2. Viết

- Viết chữ thường cỡ nhỏ, chữ hoa cỡ vừa và nhỏ.

- Viết chính tả đoạn văn xuôi, đoạn thơ theo các hình thức nhìn - viết, nghe - viết (chú trọng viết các chữ có vần khó, các từ dễ viết sai do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương).

- Viết câu kể, câu đơn giản.

- Viết đoạn văn kể chuyện, miêu tả đơn giản bằng cách trả lời câu hỏi.

- Viết bưu thiếp, tin nhắn.

2.3. Nghe

- Nghe và trả lời câu hỏi về những mẫu chuyện có nội dung đơn giản gần gũi với lứa tuổi.

- Nghe - viết chính tả một đoạn văn, đoạn thơ hoặc bài thơ ngắn.

2.4. Nói

- Chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi, mời, nhờ, đề

ngợi, tự giới thiệu; đáp lời cảm ơn, xin lỗi, lời mời... trong các tình huống giao tiếp ở trường học, gia đình, nơi công cộng.

- Trả lời và đặt câu hỏi đơn giản.

- Kể một mẫu chuyện hoặc một đoạn của câu chuyện được nghe.

- Nói lời giới thiệu đơn giản về bản thân, gia đình, bạn bè, trường lớp theo gợi ý.

LỚP 3

8 tiết /tuần x 35 tuần = 280 tiết

1. Kiến thức (không có bài học riêng, chỉ trình bày các kiến thức học sinh cần làm quen và nhận biết thông qua các bài thực hành).

1.1. Tiếng Việt

1.1.1. Ngữ âm và chữ viết

Cách viết tên riêng nước ngoài

1.1.2. Từ vựng

Từ ngữ (gồm cả thành ngữ, tục ngữ dễ hiểu) về lao động sản xuất, văn hoá, xã hội, bảo vệ Tổ quốc...

1.1.3. Ngữ pháp

- Từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm, tính chất.

- Câu trần thuật đơn và hai bộ phận chính của câu.

- Dấu chấm, dấu chấm hỏi, dấu chấm than, dấu phẩy, dấu hai chấm.

1.1.4. Phong cách ngôn ngữ và biện pháp tu từ

Sơ giản về các biện pháp tu từ so sánh, nhân hoá.

1.2. Tập làm văn

- Sơ giản về bố cục của văn bản

- Sơ giản về đoạn văn.

- Một số nghi thức giao tiếp chính thức trong sinh hoạt ở trường, lớp: thư, đơn, báo cáo, thông báo...

1.3. Văn học

- Một số đoạn văn, bài văn, bài thơ ngắn về lao động sản xuất, văn hoá, xã hội, bảo vệ Tổ quốc...

- Nhân vật trong truyện, văn trong thơ.

2. Kỹ năng

2.1. Đọc

- Đọc một số văn bản nghệ thuật, hành chính, báo chí, khoa học thường thức (chú trọng đọc tên riêng nước ngoài, từ dễ đọc sai do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương)

- Đọc thầm

- Tìm hiểu ý chính của đoạn, nội dung của bài; nhận xét về nhân vật, hình ảnh, chi tiết; đặt đầu đề cho đoạn văn.

(Xem tiếp trang 58)